

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐÔN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/6/2024
“Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐÔN – TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Phương và ông Y Đung Knul

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 24/6/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 18/6/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Thị D, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Doãn D, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trịnh Thị D trình bày: Tôi và ông Đỗ Doãn D kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 30/10/1995. Sau khi về chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có 04 (bốn) con chung. Tuy nhiên, đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Tôi nhận thấy vợ chồng sống không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, không có sự tôn trọng với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện nay tôi và ông Đỗ Doãn D đã sống ly thân. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Đỗ Doãn D.

Về con chung: Quá trình chung sống tôi với ông Đỗ Doãn D có 04 (bốn) con chung, gồm: Cháu Đỗ Tiến H1, sinh năm 1996; Cháu Đỗ Tiến H2, sinh

năm 1997; Cháu Đỗ Doãn G, sinh năm 1999; Cháu Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 2003. Hiện nay các cháu Đỗ Tiến H1, Đỗ Tiến H2, Đỗ Doãn G, Đỗ Thị Thanh T đã thành niên (trên 18 tuổi) và tự lo cuộc sống nên bà Trịnh Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Quá trình giải quyết vụ án, ông Đỗ Doãn D trình bày:** Ông Đỗ Doãn D đồng ý với ý kiến trình bày của bà Trịnh Thị D về quan hệ hôn nhân và con chung. Ông Đỗ Doãn D và bà Trịnh Thị D đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 30/10/1995. Sau khi về chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và có 04 (bốn) con chung, gồm: Cháu Đỗ Tiến H1, sinh năm 1996; Cháu Đỗ Tiến H2, sinh năm 1997; Cháu Đỗ Doãn Gi, sinh năm 1999; Cháu Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 2003.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Trong cuộc sống gia đình, vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, nguyên nhân là do bà Trịnh Thị D thường xuyên nuông chiều các con, tự ý cho tiền và mua sắm cho các con (như xe mô tô...) mà không hỏi ý kiến của ông Đỗ Doãn D. Vợ chồng sống chưa hiểu nhau nên hàng ngày thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện nay ông Đỗ Doãn D rất yêu thương vợ và các con. Hàng ngày ông Đỗ Doãn D đi làm và đưa tiền về cho gia đình. Ông Đỗ Doãn D muốn vợ chồng cùng nhau chăm sóc, lo cho cuộc sống gia đình. Vì vậy, ông Đỗ Doãn D không đồng ý ly hôn với Bà Trịnh Thị D.

Về con chung: Hiện nay các cháu Đỗ Tiến H1, Đỗ Tiến H2, Đỗ Doãn G, Đỗ Thị Thanh T đã thành niên (trên 18 tuổi) và tự lo cuộc sống nên ông Đỗ Doãn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Đỗ Doãn D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thu thập chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông Đỗ Doãn D, Bà Trịnh Thị D. Qua xác minh, đại diện ban tự quản Buôn K, xã E, huyện B và Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ Buôn K, xã E, huyện B cung cấp thông tin: Quá trình chung sống vợ chồng bà Trịnh Thị D, ông Đỗ Doãn D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn thì chính quyền địa phương không nắm rõ. Hiện nay bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D đã sống ly thân. Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải, phân tích các quy định của pháp luật nhưng bà Trịnh Thị D yêu cầu ly hôn đối với ông Đỗ Doãn D. Do đó căn cứ Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn đưa vụ án ra xét xử.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Trịnh Thị D.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị D được ly hôn với ông Đỗ Doãn D.

Về con chung: Đối với cháu Đỗ Tiến H1, sinh năm 1996; Cháu Đỗ Tiến H2, sinh năm 1997; Cháu Đỗ Doãn G, sinh năm 1999; Cháu Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 2003 đã thành niên (trên 18 tuổi) nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Về án phí: Bà Trịnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Doãn D cư trú tại Buôn K, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn và bị đơn. Ông Đỗ Doãn D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 30/10/1995. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D là hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng quan điểm. Hiện nay bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D sống ly thân và không quan tâm và chăm sóc gì nhau. Căn cứ kết quả xác minh tại ban tự quản Buôn K, xã E, huyện B và Chi hội phụ nữ Buôn K, xã E, huyện B cũng như ý kiến trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định tình trạng hôn nhân giữa Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D đã mâu thuẫn trầm trọng,

mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Bà Trịnh Thị D được ly hôn với ông Đỗ Doãn D.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D có 04 (bốn) con chung: Cháu Cháu Đỗ Tiến H1, sinh năm 1996; Cháu Đỗ Tiến H2, sinh năm 1997; Cháu Đỗ Doãn G, sinh năm 1999; Cháu Đỗ Thị Thanh T, sinh năm 2003.

Hiện nay các con chung của Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D đã thành niên (trên 18 tuổi). Quá trình giải quyết vụ án, Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn Bà Trịnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là có căn cứ và đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, khoản 4 Điều 147, Điều 203, điểm 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Trịnh Thị D

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trịnh Thị D được ly hôn với ông Đỗ Doãn D.

2. Về con chung: Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trịnh Thị D và ông Đỗ Doãn D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trịnh Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0004791 ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trịnh Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Đỗ Doãn D

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Buôn Đôn;
- Chi cục THADS huyện Buôn Đôn;
- UBND xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông,
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

(Đã ký)

Nguyễn Phi Long

